

# **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ÁNH DƯƠNG**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ÁNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH DUONG CONSTRUCTION AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107951826

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2017

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 122, phố Tây Trà, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912167004

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                         | 4100(Chính) |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                     | 4210        |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                  | 4220        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                    | 4290        |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311        |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                             | 4312        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                | 4329        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                    | 4649        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659        |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                       | 4663        |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4752        |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4759        |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                           | 7730        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                          | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | QUÁCH GIA KHÁNH | Số 18, tổ 10, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | 4.500.000.000         | 50,000    | 001080010188                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN KIM  | Số 122, phố Tây Trà, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 4.500.000.000         | 50,000    | 011992746                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN KIM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *29/10/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011992746*

Ngày cấp: *10/11/2011* Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 122, phố Tây Trà, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 122, phố Tây Trà, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội